TẬP ĐOÀN CN THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

CÔNG TY THAN HẠ LONG - TKV

BẢNG TÍNH VÀ THANH TOÁN LƯƠNG KHỐI VĂN PHÒNG

Đơn vị: 08-Phòng Cơ điện, vận tải

Tháng 2 năm 2019

Stt	SDB	Tên	Chức danh	Mức LCB	Lương SP			Lương Chủ nhật		Lương 100%		Tổng thu nhập	Các khoản phải trừ							Tổng giảm trừ	Còn lĩnh	Ký nhận
					Công	XL	Lương	Công	Lương	Công	Lương		BHXH	BHYT	BHTN	ĐPCĐ	Quỹ HĐXH	Thuế TNCN	Trừ tiền ăn			
1	**01**	**Tổ quản lý**			**68**		**35.092.000**	**1**	**536.000**	**20**	**5.423.654**	**41.051.654**	**2.256.300**	**423.000**	**282.100**	**410.600**	**220.000**	**1.005.960**		**4.597.960**	**36.453.694**	
1	HL-00194	Nguyễn Quang Hùng	Trưởng phòng	7.302.000	17	A	11.266.000	1	536.000	5	1.404.231	13.206.231	584.200	109.500	73.000	132.100	55.000			953.800	12.252.431	
2	HL-01806	Đoàn Mạnh Hùng	Phó phòng	8.095.000	17	A	7.942.000			5	1.556.731	9.498.731	647.600	121.400	81.000	95.000	55.000	1.005.960		2.005.960	7.492.771	
3	HL-04071	Nguyễn Mậu Cường	Phó phòng	6.261.000	17	A	7.942.000			5	1.204.038	9.146.038	500.900	93.900	62.600	91.500	55.000			803.900	8.342.138	
4	HL-00097	Lê Xuân Phúc	Phó phòng	6.545.000	17	A	7.942.000			5	1.258.654	9.200.654	523.600	98.200	65.500	92.000	55.000			834.300	8.366.354	
2	**08**	**Tổ chuyên viên**			**391**		**132.361.000**	**2**	**534.000**	**115**	**24.468.462**	**157.363.462**	**10.179.100**	**1.908.500**	**1.272.000**	**1.573.600**	**1.265.000**	**853.894**	**114.400**	**17.166.494**	**140.196.968**	
5	HL-04619	Trần Văn Hanh	Chuyên viên	5.411.000	17	A	5.733.000	1	267.000	5	1.040.577	7.040.577	432.900	81.200	54.100	70.400	55.000			693.600	6.346.977	
6	HL-03428	Nguyễn Huy Quyền	Chuyên viên	5.411.000	17	A	5.600.000			5	1.040.577	6.640.577	432.900	81.200	54.100	66.400	55.000			689.600	5.950.977	
7	HL-00223	Lê Hồng Công	Chuyên viên	7.516.000	17	A	5.600.000			5	1.445.385	7.045.385	601.300	112.700	75.200	70.500	55.000			914.700	6.130.685	
8	HL-06503	Chu Quang Minh	Nhân viên	4.704.000	17	A	5.039.000			5	904.615	5.943.615	376.300	70.600	47.000	59.400	55.000			608.300	5.335.315	
9	HL-04521	La Công Quân	Nhân viên	4.982.000	17	A	5.600.000			5	958.077	6.558.077	398.600	74.700	49.800	65.600	55.000	652.049		1.295.749	5.262.328	
10	HL-03390	Đồng Văn Huấn	Chuyên viên	5.154.000	17	A	5.600.000			5	991.154	6.591.154	412.300	77.300	51.500	65.900	55.000			662.000	5.929.154	
11	HL-00902	Nguyễn Văn Lâm	Chuyên viên	5.411.000	17	A	5.600.000			5	1.040.577	6.640.577	432.900	81.200	54.100	66.400	55.000			689.600	5.950.977	
12	HL-04052	Dương Đình Anh	Chuyên viên	5.682.000	17	A	5.600.000			5	1.092.692	6.692.692	454.600	85.200	56.800	66.900	55.000			718.500	5.974.192	
13	HL-00048	Trần Công Trung	Chuyên viên	6.578.000	17	A	5.600.000			5	1.265.000	6.865.000	526.200	98.700	65.800	68.700	55.000			814.400	6.050.600	
14	HL-00740	Đoàn Thị Thắm	Chuyên viên	5.154.000	17	A	5.600.000			5	991.154	6.591.154	412.300	77.300	51.500	65.900	55.000			662.000	5.929.154	
15	HL-02986	Uông Sỹ Duẩn	Chuyên viên	5.154.000	17	A	5.600.000			5	991.154	6.591.154	412.300	77.300	51.500	65.900	55.000			662.000	5.929.154	
16	HL-00406	Bùi Châu Thuấn	Chuyên viên	5.966.000	17	B	6.774.000			5	1.147.308	7.921.308	477.300	89.500	59.700	79.200	55.000		28.600	789.300	7.132.008	
17	HL-04468	Hà Đình Cường	Chuyên viên	5.154.000	17	B	5.400.000			5	991.154	6.391.154	412.300	77.300	51.500	63.900	55.000		28.600	688.600	5.702.554	
18	HL-02051	Nguyễn Tài Chính	Chuyên viên	4.982.000	17	A	5.733.000			5	958.077	6.691.077	398.600	74.700	49.800	66.900	55.000		28.600	673.600	6.017.477	
19	HL-01954	Lại Văn Nhật	Chuyên viên	5.682.000	17	A	5.600.000			5	1.092.692	6.692.692	454.600	85.200	56.800	66.900	55.000			718.500	5.974.192	
20	HL-01517	Phạm Văn Trọng	Chuyên viên	5.966.000	17	A	5.600.000			5	1.147.308	6.747.308	477.300	89.500	59.700	67.500	55.000			749.000	5.998.308	
21	HL-00471	Phạm Anh Thiện	Chuyên viên	4.982.000	17	A	5.734.000	1	267.000	5	958.077	6.959.077	398.600	74.700	49.800	69.600	55.000			647.700	6.311.377	
22	HL-01334	Nguyễn Tiến Văn	Chuyên viên	5.154.000	17	A	6.974.000			5	991.154	7.965.154	412.300	77.300	51.500	79.700	55.000			675.800	7.289.354	
23	HL-00500	Nguyễn Đức Duy	Chuyên viên	5.682.000	17	A	5.600.000			5	1.092.692	6.692.692	454.600	85.200	56.800	66.900	55.000			718.500	5.974.192	
24	HL-04601	Vũ Đức Hạnh	Chuyên viên	5.154.000	17	A	5.600.000			5	991.154	6.591.154	412.300	77.300	51.500	65.900	55.000	9.020		671.020	5.920.134	
25	HL-00224	Hoàng Quốc Vị	Chuyên viên	5.682.000	17	A	6.974.000			5	1.092.692	8.066.692	454.600	85.200	56.800	80.700	55.000			732.300	7.334.392	
26	HL-01808	Nguyễn Trung Vinh	Chuyên viên	6.264.000	17	A	5.600.000			5	1.204.615	6.804.615	501.100	94.000	62.600	68.000	55.000		28.600	809.300	5.995.315	
27	HL-04172	Đào Mạnh Cường	Chuyên viên	5.411.000	17	A	5.600.000			5	1.040.577	6.640.577	432.900	81.200	54.100	66.400	55.000	192.825		882.425	5.758.152	
Tổng cộng					**459**		**167.453.000**	**3**	**1.070.000**	**135**	**29.892.116**	**198.415.116**	**12.435.400**	**2.331.500**	**1.554.100**	**1.984.200**	**1.485.000**	**1.859.854**	**114.400**	**21.764.454**	**176.650.662**	

Quảng Ninh, ngày 25 tháng 3 năm 2019

LẬP BIỂU	PHÒNG TCLĐ	P.KẾ TOÁN TRƯỞNG	P.GIÁM ĐỐC
Mã Thành Trung	Nguyễn Văn Thỏa	Đặng Thanh Lam	Phạm Văn Hùng